

# Ariya Po Ceng

## CAM MICROFILM 17 (1)

1. *Tanuer tuer di dalam ariya,  
kanâ Po Débita, peng klaong kieng panâh,,*

Những gì ghi lại trong tác phẩm *Ariya*<sup>1</sup> này, tôi xin phép Po Débita<sup>2</sup> để kể lại như sau<sup>3</sup>.

---

<sup>1</sup> *Ariya* (tiếng Phạn : *arya*), có nghĩa « câu gieo vần, vần vần, thơ ». Ariya Chăm có qui luật riêng. Vần cuối cùng của câu đầu gieo với vần lưng của câu thứ hai ; vần cuối của câu thứ hai gieo với vần lưng của câu thứ ba, v.v., nhưng số âm trong mỗi câu không qui định là bao nhiêu và cũng không luật bằng trắc. Thí dụ :

- 1). *Tanuer tuer di dalam ariya,  
kanâ Po Débita, peng klaong kieng panâh,,*
2. *Mang anaih tel praong thau duh,  
abih manâk mboh jeh, duh pak rai Ceng,,*

Chính vì nguyên nhân đó mà người ta cho rằng *Ariya* Chăm không phải là thơ lục bát Việt Nam, mặc dù có qui luật gieo vần lưng như nhau.

<sup>2</sup> *Débita* hay *Dobata* (tiếng Phạn : *Devata*) ám chỉ thần linh, đẳng tối cao.

<sup>3</sup> Giữa câu số 1 và 2 của CAM MICROFILM 17 (1), bản CM 20 (2) có thêm 9 câu nữa :

- a). Sau triều đại của Po Tisuntiraydapaghoh (1768-1780), Po Tisuntiraydapuran (1786-1793) lên ngôi nắm quyền cai trị Champa.
- b). Dưới triều đại Po Tisuntiraydapuran, quân chúng Champa sống trong niềm vui và sung sướng, vì không đóng thuế ngà voi, sừng tê giác, gổ,...
- d). Nhưng sự thịnh vượng này chỉ kéo dài trong thời gian ngắn, bởi vì quốc vương Po Tisuntiraydapuran chỉ nghĩ đến quyền hành và danh dự cá nhân.
- e). Nô dịch phiền hà nhất mà người Chăm than van đó là bắt dân làm nô dịch cho những cuộc săn bắn ăn chơi.
- f). Khi nghe dân chúng quá than phiền, Nguyễn Ánh từ Đồng Nai tiến quân chống Tây Sơn trên lãnh thổ Champa. Bị thua trận, Tây Sơn rút quân về.

### Champa dưới thời Po Saong Nyung Ceng

2. *Mang anaih tel praong thau duh,  
abih manâk mboh jeh, duh pak rai Ceng,,*

Từ thanh niên đến người già đều chứng kiến bao biên cố<sup>4</sup> và gánh chịu bao nô dịch dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng<sup>5</sup>.

3. *Tak kuyau ngap gileng ngan ndong,  
pajum buol anaong cakaong, padai tama gileng biruw,,*

Hết đốn gỗ để làm nhà kho và đồn lính<sup>6</sup>, dân chúng phải chuyên chở lúa gạo vào nhà kho mới<sup>7</sup>.

4. *Klau ong parak [padrak] yok nao pathau,  
patao lac hu kuyau, di Malithit siam hareh,,*

---

g). Sau ngày thắng trận, Nguyễn Ánh bắt Po Tisuntiraydapuran đưa về Đồng Nai để kết tội tử hình.

h). Trước triều đại Po Tisuntiraydapuran, người Chăm sống trong yên vui và thịnh vượng.

k). Năm Mùi lịch Chăm (1799), Po Saong Nyung Ceng lên ngôi, kéo theo các cuộc nổi loạn của dân tộc Churu, Raglai và những biến cố khác.

l). Trước nô dịch nặng nề này, quần chúng Champa chỉ biết than van không biết tìm ai để cầu cứu.

<sup>4</sup> Tác phẩm ghi : *manâk* « khía cạnh, hình thái ; biến cố ».

<sup>5</sup> Trong biên niên sử Chăm, có 4 vị vua mang chức chương cơ mà tư liệu này gọi là Po Ceng. Theo chúng tôi, Po Ceng ở đây ám chỉ cho quốc trưởng Po Saong Nyung Ceng (1779-1822).

<sup>6</sup> Tác phẩm ghi : *ndong*, tiếng Việt « đồn ».

<sup>7</sup> Tác phẩm ghi : *Gileng*. Trong tiếng Chăm, *gileng* có rất nhiều nghĩa: nhà kho, cơ sở chứa vật liệu của quốc gia, dinh vua chúa. *Gileng* trong câu này ám chỉ cho nhà kho. Xem E. Aymonier (1906, tr. 102).

Trong khi đó, có 3 quan lại người Chăm<sup>8</sup> thôi thúc nhau<sup>9</sup> báo cáo với vua Minh Mệnh rằng gỗ ở khu vực Malithit (Phan Thiết)<sup>10</sup> là gỗ quý nhất.

5. *Pathau blaoh biruw mang patao paseh,  
tuer marai pa-abih, nager Cam tak papan,,*

Sau khi nhận báo cáo này, vua Minh Mệnh ra lệnh cho vương quốc Champa phải đi tìm gỗ để nộp cho triều đình Huế.

6. *Pa-ngap gilai saong ahaok bariyan [bariyar],  
Cam nao tak papan, Mali, Bimi ngan Bicem,,*

Thế là người Chăm phải lên đường đốn gỗ ở Mali, Bimi và Bicem<sup>11</sup> để phục vụ cho công trình xây dựng tàu bè<sup>12</sup> của triều đình Huế.

7. *Paruic huei pahua limah ka kuan,  
nasak tapay balan nam, ahaok patao nduec merai,,*

Người Chăm phải lên rừng tìm dây mây kéo về để nộp cho quan người Kinh trước khi thuyền của vua Minh Mệnh đến Champa vào tháng 6 năm Mẹo lịch Chăm (1807)<sup>13</sup>.

---

<sup>8</sup> CM 20 (2) cho rằng ba nhân vật này tên là Ong Caing, Ong Mbo Luk và Ong Klen.

<sup>9</sup> Tác phẩm ghi : *padrak yok nao pathau*. *Yok* trong câu này không có nghĩa rõ ràng.

<sup>10</sup> *Malithit*, phiên âm sang tiếng Việt : Phan Thiết.

Bản CM 20 (2) viết : *Mbin Thuan* (Bình Thuận). Muốn biết thêm chi tiết về địa danh *Malithit*, xem E. Aymonier (1885, tr. 14), Madrolle (1926, tr. 245), DNNTC (XII, tr. 4, 72), Thái Công Tụng (1966).

<sup>11</sup> Bản CAM 29 (2), CM 20 (2), CM 30 (14) ghi là « *danao Haling* và *Mili* ». Về địa danh *Danao Haling*, *Mali*, *Mimi* và *Bicem*, xem E. Aymonier (1885, tr. 10-12).

<sup>12</sup> Tác phẩm ghi : *bariyan*, viết đúng chính tả phải là *bariyar* (tiếng Mã : *berlayar*) ám chỉ cho « buồm ».

8. *Pajiéng jién ribuw tamân kot chai,*  
*tuer ka Cam nan hai, tama nao limah bi blaoh,,*

Người ta ra lệnh cho dân tộc Chăm phải chở hàng ngàn hàng triệu<sup>14</sup> tiền đê nộp cho chính quyền Việt Nam.

9. *Thun nasak ina giray nan craoh,*  
*abih anâk mboh jeh, di ray Po Ceng riim manâk,, [2]*

Vào năm Thìn lịch Chăm (1820)<sup>15</sup>, vương quốc Champa đang trải qua cơn dịch hạch<sup>16</sup>. Đây là biến cố tang thương đã xảy ra dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng.

10. *Duh glaih min oh ka lihik,*  
*Po Ceng daok nyik [khik], adat ca-mbat Cam ita,,*

---

<sup>13</sup> Dưới thời Po Saong Nyung Ceng, có hai con giáp năm Mẹo : 1807 và 1819. Chúng tôi chọn 1807, vì biên niên sử Việt nam cũng nhắc đến biến cố này.

Thuyền của vua Minh Mệnh đến Champa vào năm 1807 không ám chỉ cho vua Minh Mệnh có mặt trên thuyền này, vì biên niên sử Việt Nam không nói đến chuyến công du của vua Minh Mệnh vào năm 1807.

<sup>14</sup> Tác phẩm ghi : *tamân, kot, chai*. Đây là đơn vị *Angka* (con số) mang ý nghĩa hàng triệu hàng triệu, nhưng người Chăm hôm nay không biết giá trị chính xác của nó như thế nào.

Theo tự điển Chăm-Việt của G. Moussay (1971, tr. 10), *Angkar* Chăm có đơn vị như sau : *sa* = 1, *ratuh* = 100, *ribuw* = 1000, *tamân* = 10 000, *chai* = 100 000, *kot* = 1 000 000, *tik* = 1 000 000 000.

Hai đơn vị *kot* và *tik* trong tự điển G. Moussay cần được xét lại. Trong tiếng Chăm, *kot* đôi khi viết *kottik* là từ phát xuất từ Phạn ngữ : *Kottik* (Campuchia : *Kot*) có giá trị 10 triệu. Vì Phạn ngữ không có đơn vị 1 triệu.

<sup>15</sup> Dưới thời Po Saong Nyung Ceng, có hai lần năm Thìn : 1808 và 1820. Chúng tôi chọn năm 1820 vì biên niên sử Việt Nam có ghi biến cố này. Xem QTCB, tr. 112.

<sup>16</sup> Biên niên sử Việt Nam cũng xác nhận bệnh dịch này. Xem QTCB, tr. 112.

Mặc dù gánh chịu bao nô dịch, nhưng vương quốc Champa vẫn còn tồn tại, vì Po Saong Nyung Ceng rất quan tâm đến phong tục tập quán Chăm.

### **Cuộc khởi nghĩa của Ja Lidong 1822**

*11. Nasak thaih [athaih] Po Ceng nés pabha,  
Mbaik Kalin lac ka, Ja Medong kieng ngap mathuh,,*

Vừa nghe tin Po Saong Nyung Ceng băng hà<sup>17</sup> vào năm Ngọ lịch Chăm (1822)<sup>18</sup>, quan Mbaik Kalin cho biết là Ja Lidong<sup>19</sup> đang chuẩn bị cuộc khởi nghĩa.

*12. Phaok Klen daok pak Hué ni truh,  
Ja Medong kieng ngap mathuh, gham mâk palei Pacem  
[Bicam],,*

Lợi dụng sự vắng mặt của phó trấn vương Po Klan Thu (Nguyễn Văn Vĩnh) bị giam giữ ở Huế, Ja Lidong muốn vùng dậy để tấn công thôn Bicam<sup>20</sup>.

*13 Ong Klen nduec harak harei malam,  
pathau patao lac Cam, pa-mblaong kalin mang likuk,,*

---

<sup>17</sup> Tác phẩm ghi : *Nes* (tiếng Phạn : *nāsa*) « chết ». *Nes pabha* là cụm từ có nghĩa « từ trần ».

<sup>18</sup> Biên niên sử Việt Nam cho biết Po Saong Nhung Ceng băng hà tại Phan Ri vào tháng 6 năm Nhâm Ngọ (1822). Xem DNTLCB (II, tr. 332 ; VI, tr. 74), DNNTC (XII, tr. 41), Po Dharma (1978, tr. 151-152 ; 1983, tr. 258).

CM 20 (2) và CM 30 (14) cho rằng sau ngày từ trần của Po Saong Nyung Ceng, triều đình Huế muốn đưa Bait Leng lên ngôi, nhưng Lê Văn Duyệt từ chối.

<sup>19</sup> Tác phẩm ghi : Ja Medong, trong khi các di bản khác viết : Ja Lidong.

<sup>20</sup> DNTLCB (VI, tr. 90) cho rằng có cuộc vùng dậy của dân tộc miền núi ở khu vực Cam Khoái đặt dưới quyền chỉ huy của Tà La Mân vào tháng 8 năm Ngọ (1822).

Nghe tin này, trấn thủ<sup>21</sup> Bình Thuận ngày đêm tìm cách cho vua Minh Mệnh biết rằng người Chăm đang chuẩn bị cuộc khởi nghĩa.

*14. Phaok Klen daok pak Hué dom ka-uk,  
patao mak blaoh pok, brei janâng Klen Thu,,*

Trong lúc ở Huế<sup>22</sup>, phó trấn vương Po Klan Thu rất lo ngại về tình hình ở quê nhà. Vua Minh Mệnh quyết định tôn ngài lên làm Trấn Thủ<sup>23</sup>, tức là quốc vương Champa.

*15. tabiak merai pa-nder mak nyu bi hu,  
mayah mathuh alah di nyu, mak akaok ba merai,,*

Từ Huế, quốc vương trở về Champa ra lệnh dẹp tan quân phiến loạn, chặt đầu Ja Lidong cho bằng được, dù cuộc hành quân bị thất bại đi nữa<sup>24</sup>.

*16. pa-ngap buol Panrang Kraong Parik Pajai,  
buol bhap pok hadai, paruh gep nao mathuh,,*

Sau khi tụ họp binh lính Chăm thuộc khu vực Panrang (Phan Rang), Kraong (Long Hương), Parik (Phan Ri) và Pajai (Phú Hải), quốc vương Champa ra lệnh cho họ tiến quân đến chiến trường.

*17. buol Li Dong nao dahlau deng panâh,  
ciip saong Yuen oh sanâh, alah nduec calah caluen,,*

---

<sup>21</sup> Tác phẩm ghi : *Klen*, tiếng Việt « trấn ».

<sup>22</sup> Biên niên sử Việt Nam cũng xác rằng Po Klan Thu có mặt tại Huế kể từ tháng 4 năm Ngọ (1822).

<sup>23</sup> Tác phẩm ghi : *Klen Thu*, tiếng Việt « trấn thủ »

<sup>24</sup> Theo DNTLCB, cuộc hành quân này diễn ra vào tháng 2 năm Quý Vị (1823).

Ja Lidong ra lệnh tấn công nhưng bị thất bại, vì không chống cự nổi với đoàn quân Champa có sự yểm trợ của binh lính triều đình Huế<sup>25</sup>.

*18. ba buol wek marai gi-ndeng nager,  
harak patao tuer ka Cam, tak kuyau ngap papan,,*

Quốc vương Champa rút quân về và thanh bình trở lại trên vương quốc. Sau đó, vua Minh Mệnh ra chỉ thị cho chính quyền Champa phải nộp thêm gổ.

*19. dom buol grep palei mbuah ker,  
duh di ray Po Klen, nyo [kho] ri-mbah glaih hareh,,[3]*

Trước nô dịch quá nặng nề, quần chúng Champa bày tỏ lòng bất mãn đối với chính sách của Po Klan Thu.

### **Cuộc vùng dậy của Nduai Kabait 1826**

*20. nasak manuk balan mat [mak] nan mathuh,  
ngap buol ribuw rituh, kieng ba tama tuei angaok,,*

Tháng 12 năm Dậu lịch Chăm (1826)<sup>26</sup>, Nduai Kabait<sup>27</sup> vùng dậy. Quốc vương Champa gọi đoàn quân hơn ngàn người lên khu vực miền cao để tấn công quân phiến loạn

---

<sup>25</sup> Biên niên sử Việt Nam cũng xác nhận cuộc hành quân này. Vào tháng 2 năm Quý Vĩ (1823), Tà La Môn (Ja Li Dong trong biên niên sử Chăm), vùng dậy chiếm đồn Thị Linh. Thái Văn Thuận, phó quản cơ Thuận Nghĩa (Bình Thuận) đem 100 binh lính người Kinh hợp lực với quốc vương Po Klan Thu (Nguyễn Văn Vĩnh) để dẹp quân phiến loạn. Cũng nhờ sự can thiệp của Lê Văn Duyệt ở Gia Định Thành, Tà La Môn (Ja Li Dong) chấp nhận đưa lực lượng hơn 400 người qui hàng trước chính quyền Gia Định Thành.

<sup>26</sup> Dưới triều đại Po Klan Thu chỉ có một con giáp năm Dậu (1826). Biên niên sử Việt Nam cũng viết rằng vào tháng 1 năm Bính Tuất (1826), triều đình Huế ra lệnh cho trấn thủ Bình Hòa (Khánh Hòa) là Nguyễn Văn Quế, trấn thủ Phú Yên là Trương Văn Chánh và quốc vương

21. *nao tel Ndaong Nai Ja Phik Akaok,  
tiap buol nao luak, ba jalan nao bi hu,,*

Khi đến khu vực Đồng Nai<sup>28</sup>, Ja Phik Akaok ra lệnh cho quân trình sát tìm đường đi tiến quân.

22. *marai pathau lac jalan jhak lo,  
mayah kieng nao jang o hu, nao tui jalan ala,,*

Quân trình sát tâu rằng đường xá miền cao quá khó khăn, đề nghị tiến quân dọc theo đồng bằng.

23. *Ndiew Mbat palue kalin blaoh da-a,  
nyu peh pa-mbeng [ba-mbeng] ndong paha, ka nyu marai  
ciip tapak,,*

Trong khi đó quan lại Champa tên là Ndiew Mbat đưa ra chính sách chiêu hồi, sẵn sàng mở cửa đồn lính để quân phiến loạn vào qui hàng.

24. *tama abih karek pa-mbeng [ba-mbeng] mak hu,  
duah mak halei po, kalin hu dua urang,,*

---

Champa là Nguyễn Văn Vĩnh (Po Klan Thu) xua quân chống quân phiến loạn. Xem QTCB (tr. 130), MMCY (V, tr. 117-118).

<sup>27</sup> Nduai Kabait không có trong câu này, nhưng xuất hiện trong câu 30. Ngược lại, CAM 29 (2) và CM 20 (2) viết : Ndak Bait. CM 30 (14) : Ndaw Bait.

Nduai Kabait tức là Cai Đội tên Kabait. Tổ chức quân sự của nhà Nguyễn thường nêu ra Đội Trưởng và Cai Đội, nhưng người ta không biết rõ chi tiết về hai chức vụ này. Xem Phạm Văn Sơn (III, tr. 128), Đặng Phương Nghị (1973, tr. 128), Phan Khoang (1969, 468), Tạ Chí Đại Trường (1973, tr. 336), MLCB (I-II).

<sup>28</sup> Người Chăm chia Ndaong Nai (Đồng Nai) làm hai khu vực : *Ndaong Nai Ala* (Đồng Nai Hạ) là khu vực miền cao nằm giữa đồng bằng Phan Rang-Phan Rí và biên giới Dalat-Dilinh ; *Ndaong Nai Ngaok* (Đồng Nai Thượng) là khu vực Dalat-Dilinh.

Một khi bước vào trong đồn, Ndiew Mbat ra lệnh bắt tất cả quân phiến loạn trong đó có vị chỉ huy.

*25. blah ganiep ba tabiak giep paghang,  
mbai athaih ngan limân, abih manâk jang o peng,,*

Ndiew Mbat dùng cây kẹp hai vị chỉ huy để thiêu trên giàn hỏa, mặc dù quân phiến loạn van xin dâng hiến tất cả ngựa voi của họ.

*26. blaoh nyu ew buol kalin deng gleng,  
kau giep gep hâ yau nan, tapah sari baik hadei,,*

Sau đó, Ndiew Mbat tập trung quân phiến loạn và tuyên bố rằng đây là cuộc trừng phạt đã man để quân phiến loạn không còn nổi dậy trong tương lai nữa.

*27. nyu giep matai ba tabiak blaoh nyu brei,  
jaw ka Cam rabha lisei, sa urang sa ca-ndaih,,*

Ndiew Mbat chặt thi hài của hai vị chỉ huy để phân phát cho lính Chăm mỗi người một khúc.

*28. mathuh blaoh nyu mak limân ngan athaih,  
dom buol sa rituh, nyu tiap wek nao palei,,*

Sau khi tịch thu voi ngựa, Ndiew Mbat ra lệnh cho quân phiến loạn trở về quê quán để sinh sống.

*29. Nduai Kabait aden [adar] yah blaoh kakei,  
mayah hâ ngap blek yau halei, kau raih mak anâk di tian,,  
[4]*

Ndiew Mbat<sup>29</sup> vừa giải thích vừa khuyên rằng nếu họ còn ngoan cố, chính quyền Champa sẽ mổ bụng những người vợ của họ để lấy thai nhi<sup>30</sup>.

*30. blaoh nyu gham Nduai Kabait yau hareng,  
dom buol daok peng, hayau klah di metai,,*

Ndiew Mbat hăm dọa Nduai Kabait<sup>31</sup> như sấm sét. Đoàn quân phiến loạn phải ngồi nghe cảm thấy mình sẽ tránh khỏi cảnh chết.

*31. po praong abih drei sak hatai,  
ba buol wek marai, di grep nagar mang gi-ndeng,,*

Sau trận chiến này, quan lại Champa ra lệnh rút quân về và sự thanh bình trở về với vương quốc<sup>32</sup>.

### **Chính sách Việt Nam hóa**

*32. mada harak patao nduoc ka Klen,  
pa-nder mak adat Cam, palue tangi pa-abih,,*

---

<sup>29</sup> Tác phẩm chép : Nduai Kabait là sai lầm, vì tất cả dị bản khác viết : Ndiew Mbat.

<sup>30</sup> Những hình phạt này thường xảy ra ở Đông Dương vào thời cổ đại. Nhà thương thuyền Trung Hoa là Tcheou Ta-Kouan cũng nói đến lễ lấy mật của quân phiến loạn ở Campuchia vào thế kỷ XIII. Xem P. Pelliot (1951, tr. 32).

<sup>31</sup> Theo biên niên sử Việt Nam, thủ lĩnh quân phiến loạn tên là Ma Tráp (tên Chăm là Nduai Kabait ?) bị thất trận và chấp nhận qui hàng. Xem MMCY (V, tr. 119).

<sup>32</sup> Theo biên niên sử Việt Nam, cuộc vùng dậy này gây ra mối lo ngại cho triều đình Huế. Chính vì nguyên nhân đó, vua Minh Mệnh ra lệnh chém đầu tức khắc những binh lính nào không làm tròn nghĩa vụ và yêu cầu quan lại phải dập tắt với bất cứ giá nào quân phiến loạn này. Xem MMCY (V, tr. 118).

Sau ngày chinh chiến, vua Minh Mệnh ra lệnh vào năm 1827<sup>33</sup> cho trấn thủ Bình Thuận phải lập tờ báo cáo những gì có liên quan đến phong tục tập quán Chăm<sup>34</sup>.

33. *blaoh tangi tel ginuor acar biséh [basaih],  
tangi adat Cam abih, bither di ngaok tuara,,*

Trước tiên, trấn thủ Bình Thuận muốn biết vai trò của các vị tu sĩ Acar<sup>35</sup> Basaih<sup>36</sup>, phong tục tập quán cho đến khoa học thiên văn Chăm.

34. *ginuor acar po apér [par] ngan adhia,  
anyan [akhan] abih di ngaok tuara, bingu rung baoh lingan,,*

Trấn thủ Bình Thuận buộc các vị tu sĩ Chăm Acar, Po Par<sup>37</sup>, Adhia<sup>38</sup> phải khai hết những chức năng và vị trí của ngôi sao rua và sao cày trên trời.

---

<sup>33</sup> CM 20 (2) nêu ra năm Hợi, tức là 1827.

<sup>34</sup> Biên niên sử Việt Nam cũng xác nhận rằng vào năm 1827, vua Minh Mệnh ra lệnh trưng dụng tất cả những tài liệu lưu trữ trong đền chùa hay thành lũy của Việt Nam đưa về Quốc Tử Giám ở Huế. Xem MMCY (V, tr. 86).

<sup>35</sup> *Acar* (tiếng Phạn : *âcâya* « người có kiến thức cao, nhà giáo») ám chỉ cho cộng đồng tu sĩ Chăm Bani bao gồm *Acar*, *Katip*, *Imâm* và *Po Gru*. *Acar* còn ám chỉ cho tu sĩ Chăm Bani vừa được tôn chức. Xem E. Durand (1907, tr. 313), Rondot (1950, tr. 26).

<sup>36</sup> *Basaih* có hai nghĩa. Thứ nhất, ám chỉ cho cộng đồng tu sĩ Chăm Bà La Môn. Thứ hai, tu sĩ Chăm Bà La Môn vừa được tôn chức.

Nguồn gốc của *Basaih* đã gây ra nhiều tranh luận trong giới khoa học. Một số người cho rằng *Basaih* phát xuất từ chữ « *Baso* » của tiếng Dayak (đảo Borneo) hay từ « *Wasi* » của tiếng Jawa ở Indonesia. Theo A. Cabaton (1902, tr. 20) và P. Rondot (1950, tr. 26), *Basaih* có thể là cách phiên âm của tiếng Campuchia « *Batchici* » hay của tiếng Thái « *Basika* ». Nhưng theo E. Durand (1907, tr. 315), *Basaih* là từ phát xuất từ Phạn ngữ « *vasa* ».

<sup>37</sup> Theo E. Aymonier (1906, tr. 290), *Po Par* là chữ viết tắt của *Po Parmagru* ám chỉ cho cộng đồng tu sĩ Chăm Bà La Môn có mặt trong triều đình Champa mà CAM 80 (4) nêu ra danh sách như sau : Po

35. *ginuor acar saong biséh [basaih] po pel [par],  
di ngaok tuara yau nan, patuk [batuk] guh ngan kara,,*

Các vị tu sĩ Acar, Basaih, Po Par phải cho biết tất cả chức năng và vị trí của sao kim và sao *kara*<sup>39</sup>.

36. *saong nyu tangi sa atuk ni tra,  
bither mangap yang rija, hu siber ka kajep,,*

Sau đó Trần thủ Bình Thuận còn buộc Chăm phải cho biết tại sao người Chăm phải làm lễ Rija<sup>40</sup>.

37. *biséh [basaih] acar lac Cam hu adat,  
ngap yau nan blaoh kajep, mang liwik mang kal merai,,*

Các vị tu sĩ Basaih và Acar trà lời rằng theo truyền thống từ lâu đời, khi gặp bệnh hoạn thì người Chăm phải làm lễ Raja, chỉ có thể thôi.

38. *blaoh tangi tel gрук ra matai,  
biséh [basaih] acar nyu akhan, adat ca-mbat drei ka,, [5]*

---

Ganuer Huer, Po Parmagru, Po Demagru, Po Yang Tapah, Po Sri Tapah, Po Ala Tapah, Po Saban, Po Diyang, Po Kaila và Po Ganuer Bac.

<sup>38</sup> *Adhia* (tiếng Phạn : *adya*) là chức sắc tối cao của cộng đồng tu sĩ Chăm Bà La Môn. Liên quan đến *Po Adhia*, xem P. Mus (1931, [47]), E. Aymonier (1891, tr. 42). CAM 72 (8), tr. N59-N61.

<sup>39</sup> *Batuk kara* là tên của một vị sao chưa được xác định vị trí.

<sup>40</sup> *Rija* (Phạn ngữ : *Rajas*, Mã Lai : *Rajas* « lễ bùa chú ») ám chỉ cho những lễ múa của dân tộc Chăm gồm có :

- *Rija Atuw Tathik* và *Rija Atuw Chek* có nguồn gốc từ lễ múa Mak Yong của Mã Lai
- *Rija Nagar*, lễ múa đầu năm do thôn làng tổ chức
- *Rija Harei*, lễ múa do gia đình tổ chức.

Trần thủ Bình Thuận còn hỏi đến đám tang<sup>41</sup> của dân tộc này. Các vị tu sĩ Basaih và Acar phải khai báo cho họ.

39. *blaoh tangi tel danak ngap hamu,  
unyin [ukhin] paken [bikal] praong lo, tanyaow pa-ndok  
klaik li-a [li-aua],,*

Trần thủ Bình Thuận còn hỏi thêm đến ruộng lệ « *tanyaow*<sup>42</sup>,  
*klaik li-aua*<sup>43</sup> »,

40. *nyu tangi tel huak padai da-a,  
biséh [basaih] acar ngan adhia, khim klao blaoh anyan  
[akhan],,*

Muốn biết thế nào là lễ « *huak padai da-a*<sup>44</sup> ». Các vị tu sĩ Basaih, Acar, Adhia mỉm cười rồi khai báo.

41. *blaoh tangi tel lisei ndok tian,  
pajuak blaoh tagok di lan, jang nyu tuei thuer [thuai] tangi,,*

Trần thủ Bình Thuận còn hỏi thế nào là lễ « *lisei ndok tian* » hay lễ « *tagok lan* »<sup>45</sup>.

---

<sup>41</sup> Liên quan đến đám tang của dân tộc Chăm, xem E. Durand (1907), P. Rondot (1950), A. Cabaton (1902, tr. 189), Nguyễn Khắc Ngữ (1957, tr. 629-633), Nghiêm Thâm (1962, XXXII, tr. 215-223 ; XXXIII, tr. 108-123 ; Nguyễn Văn Luận (1968, tr. 123-130).

<sup>42</sup> *Tanyaow* là lễ kéo rãnh cầu vòng trên đám ruộng trước khi gieo lúa. Xem. A. Cabaton (1902, tr. 15-46), Quảng Đại Chí (1973, tr. 26) Baudesson (1932, tr. 234), Phan Lạc Tuyên (1978, tr. 3-42), Lý Kim Hoa (1978, tr. 67-102).

<sup>43</sup> *klaik li-aua* « cày lên » là lễ điền nông trước khi đưa cây vào đám ruộng. Xem Quảng Đại Chí (1973, tr. 26), E. Aymonier (1885b, tr. 243), A. Cabaton (1902, tr. 46).

<sup>44</sup> Lễ mừng lúa mới diễn ra trên sân nhà sau ngày gặt lúa.

<sup>45</sup> *Lisei ndok tian* là lễ mừng lúa sắp trở hoa. *Tagok lan* « lên sân » là lễ mừng trước khi đập lúa trên sân. Xem Quảng Đại Chí (1973, tr. 26). Nghiêm Thâm (1962, XXXII, tr. 215-223 ; XXXIV, tr. 108-132).

42. *ginuer acar po apel [par] po gru,  
tangi adat biak lo, siber mengap bi-ndi bi-niai,,*

Trước sự hạch hỏi này, các vị tu sĩ Acar, Po Par, Po Gru<sup>46</sup> không biết phải cư xử như thế nào để làm vừa lòng triều đình Huế.

43. *nyu tangi blaoh pacoh sakarai,  
yah anâk Cam hai, sa tapuk rei saong nyu,,*

Theo triều đình Huế, cuộc điều tra này nhằm đưa phong tục tập quán Chăm vào tác phẩm lịch sử của nền minh Việt Nam

44. *ong praong tangi ba tho nan tama,  
limah patao lac ka nyu, adat Cam mak abih,,*

Khi công tác đã kết thúc, trấn thủ Bình Thuận báo cáo cho triều đình Huế kết quả điều tra về phong tục tập quán Chăm.

### **Tranh chấp giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt về quyền kiểm soát Champa**

45. *Phaok Klen luic ray di nasak tikuh,  
patao bi-ndang ew abih, grep ra praong marai kieng biai,,*

Năm Tý lịch Chăm (1828)<sup>47</sup>, quốc vương Po Klan Thu băng hà. Vua Minh Mệnh triệu tập một hội đồng Champa để bàn về việc nối ngôi.

---

<sup>46</sup> *Po Gru* là vị lãnh đạo cộng đồng tu sĩ Chăm Bani.

<sup>47</sup> Biên niên sử Việt Nam ghi là năm Mậu Tý (1828). Xem DNNTC (XII, tr. 42). Cho đến hôm nay, người ta không biết quốc vương Po Klan Thu băng hà ở đâu.

Ariya Po Ceng

46. *mada harak mang Pu [Po] Klen nduoc marai,  
likau pathau lac matai, Klen Thu di nager,,*

Sau đó trấn thủ Bình Thuận gửi thông báo cho người Chăm biết về sự từ trần của Po Klan Thu.

47. *paruah mak sa urang daok apan,  
brei janâng daok pakreng, nager Cam thuk hatai,,*

Trong khi đó, triều đình Huế yêu cầu tìm một người lên nối ngôi để cai trị vương quốc.

48. *ong Kade daok pak Ndaong Nai,  
nyu nduoc harak ba marai, pathau patao lac ligaih,, [6]*

Ông Kade (Lê Văn Duyệt)<sup>48</sup> ở Đồng Nai đệ trình bức thư lên vua Minh Mệnh cho rằng ông đã tìm được người xứng đáng lên kế vị.

49. *grep praong saong patao o nyin [khin] paplaih,  
ong Kade lac ligaih, pok thei blaoh kieng gleng,,*

Các quan lại và cả vua Minh Mệnh không có ai dám phản đối, một khi ông Kade (Lê Văn Duyệt) có ý định đưa người lên làm quốc vương Champa.

50. *ong Kade sa manés oh peng,  
lac urang hu kaong, pajaih pajiéng mang ama,,*

---

<sup>48</sup> *Kade* trong tiếng Chăm có nghĩa “không có con”. *Kade* ở đây ám chỉ cho Lê Văn Duyệt, một công thần giữ chức Thái Giám dưới triều Gia Long. Thái Giám thường dành cho nam giới bị khiếm khuyết bộ phận sinh dục để chăm sóc và giáo dục các công chúa, nữ tỳ trong cung đình vua chúa Việt Nam. Lê Văn Duyệt là người ái nam ái nữ bẩm sinh chứ không phải tự hoại để làm thái giám.

Ông Kade (Lê Văn Duyệt) dứt khoát<sup>49</sup> không ủng hộ ai hết, ngoại trừ đứa con của cựu quốc vương Champa là Po Saong Nhung Ceng (1799-1822), người có nhiều công lao<sup>50</sup> đối với Việt Nam.

51. *blaoh nyu pok janâng Phaok The,  
kaong lao mang ama, krung Po Ceng piéh merai,,*

Cuối cùng, Lê Văn Duyệt tự tôn vinh Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) lên nối ngôi, vì Ngài là con của Po Saong Nyung Ceng đã góp nhiều công lao<sup>51</sup> cho đất nước Việt Nam.

52. *patao sanâng blaoh ginaong buh bai,  
kieng pok thei jang o biai, brei janâng klaoh di nyu,,*

Trước thái độ của Lê Văn Duyệt, Vua Minh Mệnh vô cùng tức giận và tuyên bố rằng Ngài không cần hỏi ý kiến ai và có cả quyền cho ai lên ngôi ở vương quốc Champa cũng được.

53. *dom nan mang Phaok Klen Thu,  
kakuh pathau blaoh kanâ, urang sa tung saong dahlak,,*

Để làm dịu tình hình, Po Phaok The<sup>52</sup> cúi đầu tâu với vua Minh Mệnh rằng « Lê Văn Duyệt chỉ là người muốn bày tỏ thái độ thân thiện đối với Ngài mà thôi »

54. *ong Kade ew Cei Dher Kaok,*

---

<sup>49</sup> Tác phẩm ghi : *manes* (tiếng Phạn : *manas*) ám chỉ « trái tim, ý thức ». *Sa manes* có nghĩa là « nhất quyết ».

<sup>50</sup> Tác phẩm ghi : *kaong*, tiếng Việt « công »

<sup>51</sup> Tác phẩm ghi : *kaong lao*, tiếng Việt « công lao ».

<sup>52</sup> Po Phaok The tức là Ngài Phó Trấn tên là The (Thừa). Trước khi lên ngôi, Ngài giữ chức Phó Trấn Thuận Thành, tức là phó vương Champa. Xem DNNTC (XII, tr. 42), QTCB (196), Nguyễn Đình Diệm (1970, tr. 236).

Ariya Po Ceng

*tama marai blaoh kau ngap, janâng ka-nduai nan ka hu [hâ]*  
”

Sau đó, ông Kade (Lê Văn Duyệt) triệu tập hoàng tử Cei Dher Kaok vào Gia Định Thành để giao cho chức vụ *Ka Nduai* (cai đội)<sup>53</sup> nắm quyền phó vương Champa.

*55. klaoh tung saong Phaok Klen Thu,  
Po Ka-nduai nan kanâ, janâng tok hu angan,,*

Vì muốn bày tỏ lòng trung thành đối Po Phaok The<sup>54</sup>, Po Ka Nduai (tức là hoàng tử Cei Dher Kaok) chấp nhận làm phó vương Champa

*56. sa drei Phaok Thu baik apen [apan],  
pakreng nager Cam halun, lijang daok thuk hatai,,*

và chỉ muốn một mình Po Phaok The nắm toàn quyền cai trị vương quốc Champa để hòa bình trở về với đất nước.

### **Chính sách bóc lột quần chúng Chăm**

*57. gi-ndi kudha [kadha] bican inâ tui hatai,  
habien ma [meng] hu jiên kieng mbai, mang thau ka glac  
ngan ligaih,,*

Vào thời điểm đó, chính quyền Bình Thuận tìm đủ cách để gây ra vụ kiện<sup>55</sup>. Một khi người Chăm có tiền dứt lốt cho quan lại người Kinh, thì mọi vấn đề đều êm xuôi<sup>56</sup>.

---

<sup>53</sup> Ka-nduai, tiếng Việt « cai đội ».

<sup>54</sup> Tác phẩm ghi: Phaok Klan Thu (Phó Trấn Thủ), ám chỉ cho Po Phaok The, người đã từng giữ chức vụ này trước khi lên ngôi. Cho đến hôm nay, người ta không biết Lê Văn Duyệt hay vua Minh Mệnh đưa Po Phaok The lên ngôi. Nhưng sau ngày lên nắm chính quyền, Po Phaok The chỉ phục tùng Lê Văn Duyệt mà thôi. Xem QTCB, tr. 153.

58. *o hu kieng luak nan nyu mak nao yam,  
glac ligaih ngan siam, nyu yam abih di sang atah,, [7]*

Nếu không muốn đút lót, chính quyền Bình Thuận bắt người Chăm giam<sup>57</sup> trong nhà tù<sup>58</sup>, không cần biết có tội hay không.

59. *hu kieng luak mang gi-ndi nan drah,  
ew merai blaoh taoh, glac di buol mang tangi,,*

Một khi đã đút lót<sup>59</sup>, quan lại người Kinh xóa bỏ vụ án không cần hỏi gì thêm.

60. *dom jién buol ba mbai gi-ndi,  
nyu dak tagok pagep sumu, mang tada caik tanan,,*

Vào thời điểm đó, tiền đút lót cho vụ án có khi chồng lên nhau cao đến ngực,

61. *bala bisan saong gihluw brâng cam,  
abih manât [manâk] caik tanan, Yuen Cam mboh sa gleng,,*

chưa nói đến sừng voi, sừng tê giác, kỳ hương<sup>60</sup> và dây leo<sup>61</sup> được tập trung lại để cho mọi người Kinh đều thấy trước mắt.

---

<sup>55</sup> Theo DNTLCB (I, 175) và Phan Khoang (1969, tr. 392), xưa kia, vấn đề kiện tụng giữa người Chăm hoàn toàn do chính quyền Champa xử lý. Vào năm Nhâm Thìn (1712), một hiệp ước giữa quốc vương Champa là Po Saktiraydaputih và triều đình Huế qui định rằng vấn đề kiện tụng giữa thần dân Champa và người Kinh sống trong vương quốc này phải có một hội đồng hỗn hợp gồm có quan lại Champa và triều đình Huế xử lý.

<sup>56</sup> Mặc dù vua Minh Mệnh có chính sách chống tham nhũng, nhưng không giải quyết nổi những tệ đoan của tầng lớp quan lại người Kinh ở địa phương. Xem Gaultier (1935, tr. 254).

<sup>57</sup> Tác phẩm ghi : *yam* tiếng Việt « giam »

<sup>58</sup> Tác phẩm ghi : *sang atah* « nhà dài », ám chỉ cho nhà giam ?

<sup>59</sup> Tác phẩm ghi : *Luak* « chun, chui », ở đây có nghĩa là đút lót.

62. *pataom ralo ka nyu ba tama gileng,  
di grep po pahader, krung gi-ndi yam dahlau,,*

Sau đó người ta đưa những sản vật này vào kho. Chính sách này nhằm vào mục tiêu để quan lại Champa nhớ lại những vụ án đã xảy ra trước kia.

63. *pa-nder ew ba marai baik ka kau,  
tangi blaoh pamayau, adat glac nan siber,,*

Những ai không đưa tiền đút lót, chính quyền Bình Thuận bắt họ để điều tra, xem xét tội phạm họ như thế nào,

64. *blaoh kakuh likau po ngap dher,  
gi-ndi kudha yau nan, daok pak dhur palak takai,,*

Người Chăm chỉ biết van lạy để xin che chở, bởi vì những vụ án này hoàn toàn nằm trong tay của chính quyền Bình Thuận<sup>62</sup>.

65. *kathaot ri-mbah blaoh oh hu jién kieng mbai,*

---

<sup>60</sup> *Gihluw* « kỳ hương ». *Gihluw* Champa là loại gỗ thơm có giá trị nhất trên thị trường thương mại tại Nam Châu Á trước thế kỷ thứ XIX. Xem A. Cabaton (1902, tr. 49), E. Aymonier (1885, tr. 230), P. Y. Manguin (1972, tr. 244-248), Petelot (1954, tr. 65-66).

Trước khi đi tìm gỗ kỳ hương, người Chăm phải làm lễ để tôn vinh Po *Gihluw* (Thần Kỳ Hương). Chuyên gia làm nghề tìm kỳ hương là người Chăm thôn Phước Nhơn, Ninh Thuận. Xem Baudesson (1932, tr. 234), Fillastre (1905, tr. 248), CM 36 (3), tr. 42-45.

<sup>61</sup> Tác phẩm ghi : *brâng cam* là loại dây leo dùng để làm cái võng và dây cho việc đồng án. Xem Pételot (1954, tr. 27-33).

<sup>62</sup> Tác phẩm viết : *dhur palak takai* « bụi bặm dưới bàn chân ». Đây là thuật ngữ khi xưng hô với quốc vương Champa, nhân vật có quyền lực tối cao của quốc gia. Chính vì thế, người dân không thể rờ tới bàn chân của vua chúa Champa, mà chỉ rờ đến bụi bặm dưới bàn chân Ngài mà thôi.

Ariya Po Ceng

*apaoh ataong blaoh pabrai, tiap tabiak wek bi drah,,*

Vì quá nghèo khổ không tìm đâu ra tiền để đút lót, chính quyền Bình Thuận tha hồ đánh đập người Chăm trước khi đuổi họ ra khỏi tòa.

66. *Yuen pathau pak patao lac nyu mboh,  
jién cak yau njuh, dak tagok sumu saong sang,,*

Trong khi đó người Kinh tâu vua Minh Mệnh rằng họ thấy người Chăm có tiền chất đống như củi cao hơn mái nhà.

67. *halei buol duh dak tahu tahang,  
nyu paoh ataong blaoh gham, o thau ka glac ngan ligaih,,*

Hết làm nô dịch vô cùng nặng nề<sup>63</sup>, chính quyền Việt Nam còn tra tấn và hăm dọa người Chăm để rồi họ không còn lý trí để phân biệt đúng hay sai.

### **Chính sách đàn áp tín ngưỡng Chăm**

68. *unyin [ukhin] paken [pakal] nan ra lac ginuer biséh  
[basaih],  
tel tuk oh ligaih, po asel [par] jang nyu gham,, [8]*

Basaih và Po Par là những vị tu sĩ thiêng liêng. Một khi làm phật lòng chính quyền, phủ Bình Thuận đưa ra ngay lời hăm dọa<sup>64</sup>.

69. *anguei mbeng tuei Yuen lac siam,*

---

<sup>63</sup> Tác phẩm ghi : *Tahu tahang* « nóng cháy, quá sức ».

<sup>64</sup> Chức sắc tôn giáo Chăm là cộng đồng tu sĩ mang tính cách thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Họ mang cả chức phong Po « Ngài » dành cho vua chúa. Không ai có quyền đụng chạm đến họ. Xem E. Durang (1907, tr. 313), P. Rondo (1950, tr. 43), E. Aymonier (1885, tr. 285), A. Cabaton (1902, tr. 22).

*pu porami [purami] ngap ahar, truc nyang mbeng maong nam,,*

Triều đình Huế cho rằng sống theo phong cách người Kinh mới là tiến bộ, buộc người Chăm phải làm bánh trái để cúng ngày rằm<sup>65</sup>, phải đốt nhang<sup>66</sup> ăn lễ ngày mùng<sup>67</sup> 5 trong tháng<sup>68</sup>.

*70. thei kakuh mang pagé sa tel klem,  
porami mbeng rem, subik saong kuya taba,,*

Người Chăm phải cúng rằm<sup>69</sup> với đồ chay<sup>70</sup> và bái lạy từ sáng đến chiều.

*71. ruak hakik jang oh mbon rija,  
ngap rap pajuw tamia, ka hat mbuai kieng adaoh,,*

Khi bệnh hoạn, người Chăm không có quyền làm lễ Rija, trong khi đó triều đình Huế buộc người Chăm làm lễ múa Pajuw để đoàn hát bội<sup>71</sup> người Kinh có dịp diễn tuồng chung trong rạp.

---

<sup>65</sup> Tác phẩm viết *purami* (Phạn ngữ : *purani*) có nghĩa là « trắng tròn ». Theo lịch Chăm, mỗi tháng có 30 ngày chia làm hai phần : 15 ngày thượng tuần (*bingun*) và 15 ngày hạ tuần (*klam*). *Purami* là ngày thứ 15 trong tháng, tức là rằm trong tiếng Việt.

<sup>66</sup> Tác phẩm ghi : *nyang*, tiếng Việt « nhang ».

<sup>67</sup> Tác phẩm ghi : *maong*, tiếng Việt « mùng ».

<sup>68</sup> Tết mùng 5 có thể ám chỉ cho tết đoàn ngọc của người Kinh thường diễn ra vào ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch. Xem Louis-Hénard (1975, tr. 47), Toan Ánh (1967, tr. 317), Whitfield (1976, tr. 270).

<sup>69</sup> Tác phẩm ghi : *rem*, tiếng Việt « rằm ».

<sup>70</sup> Tác phẩm ghi : *kuya taba* « đồ lạy », ám chỉ cho món ăn chay.

<sup>71</sup> Tác phẩm viết : *hat mbuai*, tiếng Việt « hát bội », có nguồn gốc từ Trung Hoa mà vua Trần Nhân Tông (1278-1293) du nhập vào Đại Việt sau ngày chiến thắng chống quân Mông Cổ của Toa Đô vào năm 1285. Xem Huỳnh Khắc Dụng (1970, tr. 15), Louis-Hénard (1980, tr. 196-199), Cordier (1917, tr. 371-380).

72. *rup marai dhe di sang atah,  
tama tabiak Yuen mboh, po Cam ngap karei,,*

Triều đình Huế buộc người Chăm phải thờ<sup>72</sup> tượng thần linh người Kinh trong nhà. Người Kinh vừa bước ra khỏi nhà, người Chăm lại bung thần linh đi nơi khác<sup>73</sup>.

73. *po Cam kieng tama tuei drei,  
yang rija muk su kei, po Cam klak abih,,*

Cũng vì quan lại Chăm muốn theo tín ngưỡng người Kinh, thành ra họ phải bỏ rơi nghi lễ Rija và tổ tiên Chăm.

74. *po ngap dom anyar [akhar] daok di dui,  
adat ca-mbat klak abih, tuei Yuen lac mekrá,,*

Dù có viết bao trang giấy, thì quan lại Chăm vẫn là người phải chịu tội, một khi đã bỏ rơi phong tục của mình để chạy theo cuộc sống tiên bộ của người Kinh.

75. *halei haduis mang dalam tian inâ,  
craok sa dui ni tama, njep dua mbeng padak,,*

Vận xấu của người Chăm đã có từ khi nằm trong lòng của mẹ. Tại sao phải gán cho người Chăm thêm tai họa lần thứ hai !

76. *jiéng po adat ca-mbat oh ikak,  
pa-nder buol anguei tapak, adat Cam siber mang jiéng,,*

---

<sup>72</sup> Tác phẩm ghi : *dhe*, tiếng Việt « thờ ».

<sup>73</sup> Liên quan đến thần linh người Kinh, xem Louis-Hénard (1980, tr. 18-22), Huard và Durand (1954), Dumoutier (1907).

Theo phong tục, người Chăm không giám để tượng thần linh nào trong nhà của họ.

Nhân danh quốc vương không quan tâm đến phong tục của mình, nhưng lại kêu gọi người Chăm phải bảo tồn tín ngưỡng này. Thế thì đâu là tương lai di sản văn hóa Chăm.

*77. lihik nager tablek adat tel thun,  
ra jaw brei wek ka Yuen, ngap patuei saong tian takrá,,*

Một khi phong tục Chăm bị đảo lộn và vương quốc Champa bị sụp đổ, điều dĩ nhiên là người Kinh phải nắm quyền cai trị quần chúng Chăm theo ý muốn của mình.

### **Quan lại Chăm tố cáo Po Phaok The**

*78. bila bisal [basan] takik min pak Hué,  
ralo min ba tama, pak Ndaong Nai ka ong Kade,, [9]*

Người ta cũng không hiểu tại sao triều đình Champa chỉ nộp sản vật sừng voi, sừng tê giác cho ông Kade (Lê Văn Duyệt) ở Đồng Nai, chỉ một số ít nộp cho triều đình Huế.

*79. daok saong Yuen praong anaih oh takrá,  
mboh hu ong Kade, daok paceng mang anak,,*

Một khi đã có thế lực của ông Kade (Lê Văn Duyệt) trước mắt, quần chúng Chăm từ già đến trẻ tìm cách bài trừ người Kinh.

*80. grep praong gi-naong mebai nao palaik,  
bila bisal [bisan] bither mang hagait, Phaok The oh ba marai,,*

Chính đó là nguyên nhân buộc một số quan lại Chăm tố cáo quốc vương Po Phaok The không nộp sừng voi, sừng tê giác hay các sản phẩm khác cho triều đình Huế.

*81. patao gi-naong blaoh pa-nder hâ mai,  
bila bisal [basan] ngan padai, hakak jiâ juai kurang,,*

Nghe tin này, vua Minh Mệnh vô cùng phẫn nộ, ra lệnh bắt Po Phaok The đưa về Huế vào năm 1832<sup>74</sup> và buộc vương quốc Champa phải trả lại những sản vật như ngà voi, sừng tê giác, lúa gạo.

*82. dom mbai padak thun padak bulan,  
ngap yau nan ka mang bak di tian, bila bisal [basan] oh ba  
merai,,*

Người Chăm phải nộp cho triều đình Huế hàng năm liên tục để làm hài lòng vua Minh Mệnh về tội không nộp thuế như đã qui định.

#### **Sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt**

*83. tel thun nasak ina giray,  
ong Kade nan matai, luak yuer di grep libik,,*

Vào năm Thìn lịch Chăm (1832)<sup>75</sup>, Lê Văn Duyệt từ trần, kéo theo sự hóa kiếp người Chăm<sup>76</sup> thành nạn nhân của sự trừng phạt ở khắp mọi nơi.

*84. patao pathai grep ong praong marai panyik [pakhik],  
mak glac ngan suk, nyu ngap kasang tuak di baong,,*

---

<sup>74</sup> Theo CAM 29 (1) câu 4, vua Minh Mệnh bắt quốc vương Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) và phó quốc vương Ka-nduay Ngueng (Nguyễn Văn Nguyên) vào tháng 3 năm Thìn lịch Chăm (1832), và biên niên sử Việt Nam cũng xác nhận rằng biến cố này xảy ra vào Nhâm Thìn (1832). Xem Nguyễn Bửu Cầm (1958, tr. 1246-1249), Từ Nguyên (1959, 43, tr. 969-181)

<sup>75</sup> Theo biên niên sử Việt Nam, Lê Văn Duyệt từ trần vào tháng 7 năm Nhâm Thìn (1832). Xem QTCB (tr. 153), Gaultier (II, 1935, tr. 99), Silvestre (1915, tr. 19).

<sup>76</sup> Tác phẩm viết *kuak yuer* « hóa kiếp ».

Vua Minh Mệnh ra lệnh bắt những người Chăm nào theo Lê Văn Duyệt bỏ vào gông cùm,

85. *pa-nder thau taoh janâng gham ataong,  
nan mang bak tian gi-naong, ong Kade nan acrih,,*

Cách chức<sup>77</sup> những quan lại người Chăm đứng về phe Gia Định Thành và tra tấn họ để làm nguôi mối hận thù của vua Minh Mệnh đối với Lê Văn Duyệt<sup>78</sup>.

86. *pa-nder mak kaya akal [akar] pa-abih,  
buol bhap limân athaih, tiap tabiak wek marai,,*

Vua Minh Mệnh còn ra lệnh tịch thu tất cả tài sản, voi, ngựa, binh lính người Chăm ở Đồng Nai để đem về Bình Thuận.

87. *grep po praong pakreng di Ndaong Nai,  
buol bhap thuk hatai, patapak bi abih,,*

Kể từ đó, các quan lại người Chăm lãnh đạo ở khu vực Đồng Nai cũng như dân chúng bày tỏ lòng vui mừng để xin qui hàng với triều đình Huế.

### **Chính sách Việt Nam hóa lần thứ hai**

88. *blaoh patao ew huer nan merai,  
peh tapuk sakkaray, gleng mboh nager ya urang,, [10]*

Sau đó vua Minh Mệnh yêu cầu nhà tiên tri Chăm mở sách tử vi để tiên đoán thế nào là tương lai của vương quốc Champa.

---

<sup>77</sup> Tác phẩm viết: *thau*, tiếng Việt «thâu, thu hỏi».

<sup>78</sup> Sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt, vua Minh Mệnh ra lệnh san bằng mồ mã của phó vương này vào năm 1835 và trừng trị thảm khốc những thành viên trong gia đình của ông. Xem Trương Vĩnh Ký (1875, II, tr. 263), Laborde (1918, tr. 115-116), Silvestre (1915, tr. 21), Phạm Văn Sơn (1960, tr. 602), Schreiner (I, 1900, tr. 192-193).

89. *patao ew abih drei hadom ra praong,  
biai gep nao pasrem, Cam pacuk talipha,,*

Vua Minh Mệnh tập trung tất cả quan lại người Chăm và dạy cho họ cách mặc quân của người Kinh.

90. *blaoh pakep ngap yang ngan rija,  
mak Cam blaoh ba, sa aia saong drei pabih [pa-abih],,*

Sau đó vua Minh Mệnh ngăn cấm người Chăm cúng tế thần linh hay làm lễ Rija và buộc người Chăm trở thành công dân của quốc gia Việt Nam.

91. *di thun nasak inâ giray balan tajuh,  
patao gi-naong di Cam crih, nyu thai dua praong merai,,*

Vì quá phần nộ đối với thái độ của dân tộc Chăm, vào tháng 7 năm Thìn lịch Chăm (1832), vua Minh Mệnh ra lệnh cho hai vị quan lớn người Kinh<sup>79</sup>

92. *nyu mak tho mang Parik sa tel Pajai,  
nâh nager wek merai, nâh tho Kraong Panrang,,*

tịch thu tất cả tư liệu sổ sách<sup>80</sup> người Chăm từ Phan Rí đến Phố Hải, phân chia địa hạt hành chánh ở khu vực này<sup>81</sup>, sau đó tịch thu tư liệu sổ sách ở Long Hương và Phan Rang.

---

<sup>79</sup> QTCB (tr. 154) ghi rằng vào tháng 10 năm Nhâm Thìn (1832), triều đình Huế ra lệnh cho Lê Nguyên Trung đến phủ Bình Thuận để tổ chức đơn vị hành chánh ở Champa.

<sup>80</sup> Tác phẩm ghi : *tho*, tiếng Việt « sổ ».

<sup>81</sup> Theo MMCY (VI, tr. 143-144), sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832, Lê Trung Nguyên phân chia lãnh thổ Champa thành đơn vị hành chánh của Việt Nam, buộc người Chăm phải lấy tên họ như Đào, Mai, Tùng, Liễu, v.v. Sau khi nhận tờ báo cáo, Minh Mệnh quyết định qui tụ tất cả người Chăm vào hai Huyện : Tuy Phong đặt dưới quyền

93. *pa-abih di nager Prangdarang,  
kadher [kadhar] biséh [basaih] ngan acar, jaoh taglaoh  
ngan ra ruak,,*

buộc các chức sắc Kadhar<sup>82</sup>, Basaih, Acar, những người mù,  
tàn tật hay bệnh hoạn đi nữa

94. *kung tangin yap thun papaoh nasak,  
abih drei huec tapak, nyu ngap tho ba tama,,*

chấp tay trên ngực khai sự thật như người ta làm bài tính để  
quan lại người Kinh viết vào tờ báo cáo.

95. *nao pathau Nyam [Kham] Mang nyu tangi,  
mak tho lac hu, hadom ribuw buol Panrang,,*

Sau đó, Khâm Mạng<sup>83</sup> hỏi hai vị quan người Kinh việc thống  
kê người Chăm kết quả có mấy ngàn người.

96. *dom nan mang Po Nduai Jang,*

---

điều hành của phủ Ninh Thuận và Huyện Tuy Định thuộc phủ Hàm  
Thuận.

Ngược lại, theo QTCB (tr. 154), triều đình Huế chia Champa thành  
nhiều đơn vị. Huyện An Phước và Tuy Phong đặt dưới quyền cai trị  
của phủ Ninh Thuận. Huyện Tuy Phong và Tuy Tịnh thuộc phủ Hàm  
Thuận.

Liên quan đến địa dư của những huyện này dưới thời Thiệu Trị, xem  
DNNTC (XII).

<sup>82</sup> *Kadhar* là chức sắc Chăm Bà La Môn thường hát tế lễ với cái đàn *rabap*  
« đàn nhị cầm».

Đàn *rabap* có hình dáng rất gần gũi với đàn *kanyi* thường sử dụng  
trong đám tang. *Rabap* có giây cung hơi chùng trong khi đó *Kanyi* có  
có giây cung rất căng.

<sup>83</sup> Tác phẩm ghi : *Kham Mang*, tiếng Việt « Khâm Mạng », là người vâng  
lệnh nhà vua để thi hành một nghĩa vụ đặc biệt.

Ariya Po Ceng

*pathau dom buol Panrang, kieng deng tagok pa-mblaong mathuh,,*

Nhân dịp này, Po Nduai Jang cho biết việc thống kê đồng bào rất khó, vì người Chăm Phan Rang đang chuẩn bị cuộc vùng dậy.

97. *Nyam [Kham] Mang kruot tagok gi-naong da-ngih, mak tho oh abih, padep buol pakarang,,*

Nghe tin này, Khâm Mạng nổi nóng chửi bới<sup>84</sup> cho rằng nếu Po Nduai Jang không làm thống kê toàn bộ, là vì ông muốn giấu giếm phần nào dân số người Chăm ở Phan Rang.

98. *dom nan mang nyu thai krah pakal [pakar], merai wak dom yang, bira thau ngap pasal (?), [11]*

Sau đó, Khâm Mạng ra lệnh cho quan lại thư ký<sup>85</sup> kê khai những thần linh nương đạ<sup>86</sup>.

99. *ngap tho pa-abih dalam bi-ar, pathau ka dom buol Panrang, dua ribuw sa rituh,,*

Quan lại thư ký thống kê dân số trên giấy tờ, cho biết người Chăm ở Phan Rang chỉ có 2100 người.

100. *praong Yuen nyu gi-naong di Cam hacrih, nyu gham mak acar biséh [basaih], pa-mbeng limaow pabuei ajah,,*

---

<sup>84</sup> Tác phẩm ghi : *kruot* (tiếng Phạn : *krodha*) « chửi mắng, la hét ».

<sup>85</sup> *Krah pakar* còn viết *Krah dikar*, *Krah bikar* ám chỉ cho thư ký hay nhà tiên tri.

<sup>86</sup> Tác phẩm ghi : *ngap pasal*, không biết ám chỉ gì ?

Nghe tổng số người Chăm quá ít, Khâm Mạng phần nộ và hăm dọa bắt tu sĩ Chăm Bà La Môn phải ăn thịt bò và tu sĩ Chăm Bani phải ăn thịt heo, thịt giông<sup>87</sup> về tội khai báo không chính xác.

*101. praong gi-naong mak gihluw rai blah,  
po bia binân [banân] mboh, nyu ngap kurei adat ca-mbat,,*

Khâm Mạng phần nộ và phá hủy kho kỳ hương đến nỗi bà hoàng hậu Champa cũng đưa ra nhận định<sup>88</sup> rằng Khâm Mạng đang hành động không đúng với phong tục Chăm.

*102. di grep yang su cei tok cep,  
craok merai sa adat, di grep patao mang liwik,,*

mà các bậc tiền nhân đã để lại cho các vua chúa Champa từ xưa.

*103. pa-nder mak aw ba ka kau,  
pacuk blaoh pameyau, dreh patao Cam hai o,,*

Khâm Mạng còn ra lệnh đưa áo mào vua chúa Champa để ông mặc vào rồi hỏi người Chăm xem tướng mạo của ông có giống như vua chúa Champa hay không ?

---

<sup>87</sup> Theo tính ngưỡng, Chăm Bà La Môn không nuôi bò và không ăn thịt bò. Vì con bò *Kapil* (tiếng Phạn : *Kapila*) là con vật đưa linh hồn người chết về thiên đường của tổ tiên. Xem Thiên Sanh Cảnh (1972, tr. 11)

Người Chăm Bani không nuôi heo, không ăn thịt heo và thịt giông. Đây là truyền thống chung của Hồi Giáo.

Theo truyền thuyết Chăm, cũng nhờ sự giúp đỡ của con giông mà thiên sứ Mohammed vượt qua bao khó khăn trên xa mạc không nước và không thức ăn sau ngày bại trận chống lại đoàn quân của Medina. Xem Nguyễn Khắc Ngữ và Bồ Thuận (1960, tr. 987), Nghiêm Thâm (1962, tr. 215-223), Dorohiem (1966, tr. 19-21).

<sup>88</sup> Tác phẩm viết : *banân* « thầy ».

Ariya Po Ceng

104. *dom gaon sanâng ku-nda huec lo,  
kaya kal [kar] mang bia po, oh kieng mak ba merai,,*

Nghe lệnh này, người Chăm vô cùng sợ hãi, vì không ai dám lấy áo quần vương mã của vua chúa đưa cho Khâm Mạng<sup>89</sup>.

105. *anguei mbeng daok di ngaok maligai,  
nyu ew buol nyu merai, kaong kakuh mang anak,,*

Khi mặc xong vương mã của vua chúa Champa, Khâm Mạng ngồi bệ trên ngai vàng, buộc binh lính và quần chúng Chăm quì xuống bái lạy trước mắt ông ta.

106. *tabiak nao ba bilai tariyuak,  
buol meyaom dreh biak, patao Cam mang liwik,,*

Sau đó, Khâm Mạng bước đi vài bước rất dịu dàng trong khi đó binh lính và quần chúng Chăm hô lên: Ngài Khâm Mạng có dáng bước như vua chúa Champa thật sự.

107. *di grep po yang su cei kieng pa-ndik,  
pataom merai di grep atuk [tuk], mboh nyu ngap pameyau,,*

Thấy như vậy, các thần linh Champa vô cùng uất ức, vì Khâm Mạng muốn so sánh ông ta với vua chúa Champa.

108. *meyah jak sanak ginreh praok atuw,  
hâ mbeng ralaow pabuei ka kau, mang thau ka hatai hâ tapak,, [12]*

---

<sup>89</sup> Theo truyền thống, người Chăm không dám đá động đến gia bảo của hoàng gia, vì sợ thần linh trừng phạt. Người có chức năng mới có quyền lấy bảo vật của hoàng gia ra trong ngày cúng tế. Xem H. Parmentier và E. Durand (1905, tr. 1-46).

Nghe nói tổ tiên người Chăm Bani rất linh thiêng, Khâm Mạng cho rằng nếu người Chăm Bani dám bỏ tín ngưỡng của mình để ăn thịt heo, thì họ mới là người trung thành thật sự với triều đình Huế.

*109. nyu puec hamiit tel yang Aditiak,  
nabi Ali rai tak, sa kasan oh sumu,,*

Khâm Mạng nguyên rủa người Chăm nghe đến tận tai thần mặt trời. Dù thiên sứ Ali<sup>90</sup> giáng xuống chém đầu trong tức khắc<sup>91</sup> cũng không kịp bịt miệng ông.

*110. matai blaoh nyu lac Cam ngap jru,  
nyu mak krung min o hu, oh thau libik ngap siber,,*

Nghe tin người Kinh chết không biết vì lý do gì, Khâm Mạng cũng kết tội người Chăm làm bùa chú. Một khi cuộc điều tra không có kết quả, người Chăm rất lo lắng và run sợ vì không biết phải đối xử như thế nào.

*111. daok tel balan salipan,  
nyu ba dom buol Cam, tabiak nao pak Hué,,*

Ở lại vương quốc Champa cho đến tháng 7 năm Thìn lịch Chăm (1832), Khâm Mạng trở về Huế mang theo nhiều binh lính Chăm.

*112. balan sa pluh patao thei Tuer Phu,  
merai daok di sang tâ, ong praong di nager,,*

---

<sup>90</sup> Trong tín ngưỡng của Chăm Bani, người ta thường nhắc đến Ali và phu nhân là Fatimah, vì Chăm Bani chịu ảnh hưởng trường phái của Hồi Giáo Shi'ite. Xem A. Cabaton (1927, tr. 540), P. Y. Manguin (1979, tr. 278).

<sup>91</sup> Tác phẩm ghi : *kasan* (tiếng Phạn : *ksana*), « chóc lác, tức khắc ».

Tháng 12 năm Thìn lịch Chăm (1832), vua Minh Mệnh cử Tuần Phủ để thay thế Khâm Mạng. Tuần Phủ<sup>92</sup> trung dụng tư<sup>93</sup> dinh Champa để làm trụ sở của mình.

113. *caong kieng mboh hadom sang phuel dher,  
yang bimong yang kalen [kalan], kieng merai daok pagap,,*

Tuần Phủ muốn thấy nhà *phuel dher*<sup>94</sup>, *bimong* và *kalan*<sup>95</sup> để nghiên cứu và so sánh.

114. *mabai di Cam jiéng patao sa jala,  
balan pak trun li-ava, bia nao trun hatem,,*

Tuần Phủ tức giận hơn một buổi về người Chăm muốn phục hưng lại vương miện vua chúa, tiếp tục làm lễ tạ điền vào tháng 4 lịch Chăm<sup>96</sup> và lễ *Bia trun hatem* (hoàng hậu cây lúa)<sup>97</sup>.

115. *blaoh thau janâng wek di gaon,  
brei ka kuan ké angan, thau hadom Cru Riglai,,*

---

<sup>92</sup> Tác phẩm ghi : *Tuer Phu*, tiếng Việt « Tuần Phủ ».

<sup>93</sup> Tác phẩm ghi : *tâ*, tiếng Việt « tư ».

<sup>94</sup> *Sang phuel dher* « nhà phúc đức » vẫn còn sử dụng trong văn chương Chăm, nhưng người ta không biết thế nào ý nghĩa của nó.

<sup>95</sup> *Bimong* có hai nghĩa. 1). Tên gọi chung của đền tháp. 2). Thuật ngữ kiến trúc ám chỉ cho đền có nhiều cửa ra vào, tức là vào cửa này nhưng có thể ra cửa khác.

*Kalen* hay *Kalan* là thuật ngữ kiến trúc ám chỉ cho tháp chính chỉ có một cửa ra vào. Tại tháp Po Klaong Garai, đền chính giữa có tượng Po Klaong Garai gọi là *Kalan*. Những đền nhỏ ở phía đông và nam gọi là *bimong*, vì có hai cửa ra vào.

<sup>96</sup> Tác phẩm viết : *trun li-ava* là lễ dựng chòi gần đám ruộng để tạm trú trước khi cày ruộng.

<sup>97</sup> Người Chăm không còn biết thế nào là nguồn gốc của lễ *Bia trun hatem* « hoàng hậu cây lúa ». Hôm nay, lễ này vẫn còn thịnh hành ở Đông Dương, nhất là tại vương quốc Campuchia. Xem E. Maspero (1954, tr. 333 ; III, 1959, tr. 29), J. Delvert (1961, tr. 339).

Sau đó Tuần Phủ thu lại chức phong Champa của quan lại Chăm, Churu, Raglai<sup>98</sup> và lập<sup>99</sup> danh sách tên tuổi của họ.

116. *blaoh nyu ew Panrang Kraong Parik Pajai,  
abih drei trun merai, lain janâng kai taong,,*

Sau đó, Tuần Phủ tập trung những người Chăm đại diện cho Parang, Kraong, Parik, Pajai để lãnh<sup>100</sup> chức vụ cai tổng<sup>101</sup>.

117. *subik saong lik kleng klum mbien,  
nyu brei janâng blaoh pa-aen [pa-auen], brei blaoh nyu  
paya,,*

lý trưởng, trùm, biện<sup>102</sup>. Sau đó Tuần Phủ đứng ra chúc mừng và qui định nghĩa vụ của họ.

118. *menâng drei mboh janâng nan auen,  
menâng drei oh nyin [khin], pathaik drei tuei taha,, [13]*

---

<sup>98</sup> Churu và Raglai là hai dân tộc thuộc ngôn ngữ Mã Lai Đa Đảo hiện có mặt tại hu vực Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Liên quan đến Churu và Raglai, xem Lebar, Hickey, Musgrave (1964, tr. 249), Hồ Văn Đàm (1960, tr. 438), Nguyễn Văn Điều (1981, tr. 23-31), Cửu Long và Toan Ánh (1974, tr. 205).

<sup>99</sup> Tác phẩm ghi : *ké*, tiếng Việt « kê, kê khai ».

<sup>100</sup> Tác phẩm ghi : *lain*, tiếng Việt « lãnh ».

<sup>101</sup> Tác phẩm viết : *kai toang*, tiếng Việt « cai tổng ».

Mỗi phủ hay huyện dưới thời nhà Nguyễn chia thành nhiều tổng đặt dưới quyền điều hành của Cai Tổng.

Liên quan đến tổ chức tổng huyện thời Nguyễn, xem Scheiner (1900, tr. 332-333), MMCY (VI, tr. 192), Withfield (1957, tr. 1), Nguyễn Văn Mại (1972, tr. 26), Lê Kim Ngân (1963, tr. 85), HDBD (tr. 211).

<sup>102</sup> Tác phẩm viết : *lik kleng*, tiếng Việt « lý trưởng » hôm nay là thôn trưởng; *klum*, tiếng Việt « trùm », thân hào trong thôn ; *mbien*, tiếng Việt « biện », người thu thuế.

Về vai trò và chức năng của 3 quan lại này, xem Schreiner (1900, tr. 30)

Một số người Chăm trẻ vô cùng hờ hững cho chức vị mới, trong khi đó một số người già không chấp nhận, tìm cách lánh thân.

*119. ruah mak dom urang dem dara,  
ngap gruk kieng ka, sa prân saong gep bi samer,,*

Tuần Phủ hô hào cho thanh niên Chăm phải góp phần vào công tác để phát triển nhanh hơn.

*120. anâk Cam abih drei tuei Yuen,  
paoh anyaok [akhaok] mbap klum, mbien saong mbép di palei,,*

Một khi đã chạy theo chính quyền người Kinh, người Chăm đánh gõ thông báo<sup>103</sup> cho trùm, biện và bếp<sup>104</sup> của mỗi thôn.

*121. ngap gruk mang ni sa tel hadei,  
aia Yuen ngap kurei, mboh Dreh di mata,,*

Sau một thời gian qui phục, người Chăm thấy rằng triều đình Huế không bao giờ giữ lời hứa đối với người Chăm.

*122. nyu pa-nder mak tho mul tal kami,  
ba nao blaoh tangi, muk su kei mang dahlau,,*

Vì rằng Tuần Phủ tiếp tục ra lệnh tịch thu sổ sách *Mul* và *Kami*<sup>105</sup> của người Chăm, yêu cầu họ phải khai báo những nhân vật nằm trong tổ tiên gia đình của họ

---

<sup>103</sup> Tác phẩm ghi : *mbap*, tiếng Việt « báo »

<sup>104</sup> Tác phẩm viết : *mbép*, tiếng Việt « cai bếp » nhưng người ta không biết thể nào là chức năng của nó.

<sup>105</sup> *Mul* và *Kami* là tư liệu liên quan đến ruộng đất và tài sản của gia đình, nhưng người Chăm hôm nay không biết thể nào là qui chế của nó.

123. *nyu tangi buol bhap lac o thau,  
anyan [akhan] bi njep puec bi yau, di dalam tho kami,*

Tuần Phủ buộc người Chăm phải khai báo đúng sự thật đã ghi trong sổ *Kami*, mặc dù họ không biết gì về lai lịch tổ tiên của mình

124. *biai gep luak ka ong juak hamu,  
apan tho nyu tangi, drei ndom siber thi njep,,*

Cầm cuốn sổ *Kami* trong tay, Tuần phủ yêu cầu người Chăm phải trả lời. Vì không thể trả lời, người Chăm bàn nhau là nên đút lót cho vị quan này những ruộng đất cho xong việc.

125. *grep drei buol bhap biai gep,  
ngap pabaiy akur manuk, kieng padaong anaih adal [adar],,*

Trong khi một số người Chăm khác đề nghị nên tế lễ con dê, con gà để xin đấng giúp đỡ.

126. *saong tangi ka muk su kei mang kal,  
halei halun oh bhian, ndom saong ong haber thi jieng,,*

Khi Tuần Phủ hỏi về nguồn gốc tổ tiên Chăm, người Chăm tâu rằng họ không biết gì, làm sao để trả lời.

127. *puec anaih biruw mang nyu tok peng,  
nyu ew grep po bhum, merai blaoh kieng tangi,,*

Trước sự cầu khẩn này, Tuần Phủ chấp nhận nghe theo, nhưng ông lại tập trung chủ nhân ruộng đất để hạch hỏi

128. *kau blek aiek tui dalam tho kami,  
tanâh ta-mbok jaik hamu, lijang kau kieng juak,, [14]*

Tuần Phủ cho rằng ông đã đọc kỹ tư liệu *Kami* và yêu cầu người Chăm phải khai rõ đất đai, dù là đám gò nằm bên cạnh ruộng lúa đi nữa,

*129. ba tagok hakak jiâ kieng ka mbuak,  
po bhum dom di luak, jién tabiak yau ra thac,,*

để đánh thuê một cách hợp lý hơn. Thế là chủ nhân đất đai tìm cách mua chuộc bằng cách đút lót tiền bạc như nước chảy.

*130. nyu mbeng blaoh nyu caik yau tho,  
nyu nao pathau blaoh kanâ, lac njep yau tho,,*

Một khi đã nhận tiền đút lót, Tuần Phủ trả lại hồ sơ cho người Chăm, sau đó trình lên triều đình Huế cho rằng những gì người Chăm khai báo là sự thật

*131. dua urang gaon merai juak hamu,  
nyu ngap tho blaoh paje, ba limah tagok ka kuan,,*

Nhưng sau đó, có hai quan người Kinh khác đến đo lại ruộng đất người Chăm. Khi làm xong công tác, hai quan lại này làm tờ trình cho Tuần Phủ.

*132. anâk Cam di grep palei grep nager,  
dom sanâng mbuah ker, haké bhian mboh yau ni,,*

Trước biến cố này, người Chăm trong khắp xứ sở chỉ biết ngồi than khóc cho hiện tượng xã hội mà họ chưa bao giờ thấy trong đời,

*133. tel Yuen mai pa-nder kieng ka hu,  
anâk halun ngan po, pa-nder abih biruw mang peng,,*

đó là người Kinh tìm mọi cách chỉ đạo người Chăm từ cấp làm thuê mướn cho đến vua chúa đều như nhau.

Ariya Po Ceng

*134. halei duh dom glaih saong gler,  
thiak tabiak di riim pakal [pakar], bi bak hatai Cam ita,*

Hết chịu đựng nô dịch nặng nề, người Chăm lại gặp bao hiện tượng khác trong xã hội vô cùng ngao ngán.

*135. anguei mbeng tuei Yuen sa bla,  
takrâ cuk talipha, o kak taniak wak kadung,,*

Hàng loạt người Chăm chạy theo lối sống người Kinh  
Họ thích mặc quần người Kinh và bỏ đi trang phục cổ truyền của mình.

*136. blaoh mak grep anâk kai taong,  
ka nyu ba nao pathrem, adat ca-mbat paduah anyar  
[akhar],,,*

Sau đó triều đình Huế ra lệnh cho con cái của vị cai tổng tập trung để học tập phong tục tập quán, ngôn ngữ chữ viết người Kinh ./.

